

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày 23- 7- 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quốc Việt- Phó trưởng phòng Tư pháp, UBND huyện Đồng Hỷ
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hương- Phó Hiệu trưởng trường PTTH Đồng Hỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Văn H, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/4/1994; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TY, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lưu Văn N (đã chết); Con bà: Vũ Thị N, sinh năm 1960; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/9/2014 bị UBND xã HB, huyện ĐH xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng đồ chơi nguy hiểm bị cấm (bị cáo đã nộp phạt xong ngày 19/9/2014); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2018 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ lưu giam Công an huyện Đồng Hỷ. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Lăng Thị Đ, sinh năm 1980 - Vắng mặt.

Trú tại: Xóm TT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1980 - Vắng mặt.
Trú tại: Xóm TT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1960 – Có mặt.
Trú tại: Xóm TY, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Trương Văn D, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm MG, xã YL, huyện PL, Thái Nguyên.

+ **Người làm chứng:** Anh Dương Văn V, sinh ngày 28/12/2000- Vắng mặt

Người giám hộ: Bà Dương Thị M (Bác ruột)- Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm TY, xã HB, huyện ĐH, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/3/2018, Lưu Văn H một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 20L4 - 0231 (của mẹ đẻ là bà Vũ Thị N) từ nhà đến xóm MB, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để lấy măng rừng. Khi đi đến khu vực xóm LM, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, H phát hiện thấy 03 chiếc xe mô tô đang dựng ở rìa đường bên trái theo hướng đi của H, không có người trong coi. Nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. H điều khiển xe mô tô đi qua vị trí dựng 3 chiếc xe mô tô trên khoảng 1km, thì dừng xe lại và dựng xe bên lề đường, rồi đi bộ quay lại vị trí dựng 3 chiếc xe mô tô. Đến nơi, H quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Wave BKS 20B1- 266.48 (sau xác định là xe của chị Lăng Thị Đ, sinh năm 1980, trú tại: xóm TT, xã HB, huyện ĐH), không khóa cổ, khóa càng (đăng ký xe mang tên Nguyễn Trường G sinh năm 1980 chồng chị Đ). H lại gần chiếc xe dùng tay luồn từ dưới yếm xe lên ổ khóa điện giật giây ổ khóa điện của xe rồi nối lại với nhau. H đề nổ xe và đi về, khi về cách nhà khoảng 100m H dừng xe lại dùng tay không tháo BKS ra và mở cốp xe thì thấy trong cốp xe có hai chiếc gương chiếu hậu của xe mô tô, 01 túi áo mưa, bên trong có chiếc quần mưa. H để xe tại đây rồi cầm BKS, 02 chiếc gương chiếu hậu và túi áo mưa bên trong có chiếc quần mưa đi bộ về cất giấu tại khu vực chuồng gà của gia đình mình. Sau đó H quay lại vị trí dựng xe mô tô lấy xe cất giấu tại đường bê tông phía sau nhà H. Sau đó H gọi điện cho Dương Văn V (sinh năm 2000 cùng xóm), bảo V đèo H đến xóm LM, TL để lấy chiếc xe mô tô của H để từ lúc trước, V đồng ý và lấy xe mô tô của gia đình trở H đến khu vực xóm LM, xã TL. Đến nơi, H xuống xe đi vào lấy xe mô tô còn V đi về nhà. Sau khi đi lấy xe mô tô về đến nhà, H gọi điện cho Nguyễn Văn N (sinh năm 1991, ở xóm HL8, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên) bảo N là H có chiếc xe mô tô bị mất giấy tờ và hỏi N có mua xe mô tô không hoặc biết ai có nhu cầu mua thì giới thiệu. Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến nhà N để tiêu thụ nhưng không được nên H đã gửi lại xe ở nhà N. Đến khoảng 07 giờ ngày 28/3/2018, N gọi điện cho H nói có người mua xe, H liền đến nhà N mang chiếc xe mô tô BKS 20B1- 266.48 và cùng N đến nhà Trương Văn D - sinh năm 1985 (ở cùng xóm với N). Đến nơi, H nói với D là H có chiếc xe bị mất giấy tờ, muốn bán, D xem xe và đồng ý mua với giá 2.400.000 đồng, H đồng ý bán và nhận đủ tiền 2.400.000 đồng của D trả, số tiền trên H đã cho N 200.000 đồng và trả nợ N 200.000 đồng trước đó, số còn lại H đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản chị Lăng Thị Đ đã có đơn trình báo Công an xã TL, huyện ĐH giải quyết.

Tại bản kết luận số 15/ĐG -TSHS ngày 03/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ, kết luận: Xe mô tô BKS 20B1- 266.48 mang tên Nguyễn Trường G mà H chiếm đoạt có giá trị 6.000.000 đồng

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu Đen -Bạc BKS 20B1- 266.48 ngày 02/4/2018 anh Trương Văn D đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ. Đến ngày 10/5/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả cho anh Nguyễn Trường G (là chồng của chị Lăng Thị Đ) 01 chiếc xe mô tô BKS 20B1- 266.48 và 02 chiếc gương chiếu hậu, 01 túi đựng áo mưa bên trong có 01 chiếc quần mưa là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20B1- 266.48 kèm theo một số tài sản khác và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Đối với số tiền 2.400.000 đồng anh Trương Văn D mua xe mô tô của bị cáo, hiện nay bị cáo vẫn chưa bồi thường cho anh D số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSĐH, ngày 18/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lưu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.400.000 đồng đối với bị cáo do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà N) không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hồi 08 giờ 30 phút ngày 27/3/2018, tại đường dân sinh thuộc xóm LM, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, Lưu Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu Đen - Bạc BKS: 20B1-266.48 của chị Lăng Thị Đ

có trị giá 6.000.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu sài. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lưu Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; sơ đồ hiện trường; vật chứng đã thu được và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Lưu Văn H chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị UBND xã HB xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, là đối tượng nghiện chất ma túy nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lăng Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Trường G (chồng chị Đ) đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Trương Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã mua chiếc xe mô tô của bị cáo do trộm cắp mà có, khi mua xe anh D không biết chiếc xe mô tô trên là do H trộm cắp. Sau khi biết được sự việc, anh D đã tự giác giao nộp chiếc xe mô tô đó cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ để trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Về số tiền 2.400.000 đồng anh D trả cho bị cáo để mua chiếc xe mô tô trên đến nay bị cáo chưa trả lại cho anh

D. Tại phiên tòa anh D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.400.000 đồng bị cáo bán xe cho anh D, mặc dù anh D không yêu cầu bị cáo trả lại. Tuy nhiên, đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại chị Đ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh G, anh D và bà N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này, theo H khai H đã nhờ Nguyễn Văn N, trú tại xóm LH 8, xã VT, huyện PL, tỉnh TN tìm người để H bán chiếc xe mô tô trộm cắp được và sau khi bán xe xong thì H có cho N tiền. Tuy nhiên, quá trình điều tra, xác minh hiện nay N không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Dương Văn V là người được H nhờ đưa đi lấy xe mô tô của H nhưng V không biết việc H thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, còn Trương Văn D là người mua chiếc xe mô tô của H trộm cắp được nhưng không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ không xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lưu Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt Lưu Văn H: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2018.

- Quyết định tạm giam Lưu Văn H 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Lưu Văn H do phạm tội mà có.

- Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét vì bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu.

3. Án phí: Buộc bị cáo Lưu Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà N), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (chị Đ); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh G, anh D), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã HB, huyện DH;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Lê Huy Bắc
(Đã ký)**